

Số: **76/2026/QĐST- HNGĐ**

Điện Biên, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 108/2026/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: bản N, xã S, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 2001.

Nơi thường trú: bản N, xã S, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị N và anh Lương Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lò Thị N và anh Lương Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Lò Thị N là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lương Thị Nhã U, sinh ngày 24/4/2020 cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Lương Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 3.000.000đ/tháng. Bắt đầu tính từ ngày quyết định này có hiệu lực (30/3/2026) cho đến khi cháu Lương Thị Nhã U thành niên và có khả năng lao động, tài sản để tự nuôi

mình. Số tiền cấp dưỡng anh T chuyển khoản vào số tài khoản của chị N là: 108872174438, ngân hàng Viettinbank vào ngày 27 hàng tháng.

Chị N nhất trí không yêu cầu tính lãi khi anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N được miễn án phí khi thuận tình ly hôn, anh T được miễn án phí khi thuận tình ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 2 Điện Biên;
- UBND xã Sam Mứn, tỉnh Điện Biên, (Nơi đăng ký kết hôn);
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu VP;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga